TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **213**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-5-2026
V/v: "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lưu Văn Thành;

2. Ông Lê Văn Thêm.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 310/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2025 về *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2026/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị ZơRâm Thị C, sinh năm 2000. *Vắng mặt.*

Số Căn cước công dân: 049300006801.

Địa chỉ: thôn K, xã H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: anh Đặng Công D, sinh năm 1999. *Vắng mặt.*

Số Căn cước công dân: 049099004877.

Địa chỉ: thôn N, xã Q, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2025, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn - chị ZơRâm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 21/3/2024. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng

nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: chị và anh D có 01 con chung tên Đặng Công H, sinh ngày 29/8/2024. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - anh Đặng Công D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị C tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 21/3/2024. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về con chung: anh và chị C có 01 con chung tên Đặng Công H, sinh ngày 29/8/2024. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con của chị ZơRâm Thị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa, nguyên đơn - chị ZơRâm Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn - anh Đặng Công D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị ZơRâm Thị C có quan hệ hôn nhân hợp pháp với anh Đặng Công D, địa chỉ: thôn N, xã Q, thành phố Đà Nẵng. Chị C khởi kiện xin ly hôn với anh D và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị C và anh D tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố Đà Nẵng) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 21/3/2024 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Theo chị C và anh D, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C cương quyết xin ly hôn, anh D thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị C. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị C, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4]. Về con chung: trong thời kỳ hôn nhân, chị C và anh D có 01 con chung tên là Đặng Công H, sinh ngày 29/8/2024. Khi ly hôn, chị C và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét điều kiện nuôi con của các bên thì thấy: chị C cung cấp 03 phiếu lương của Công ty TNHH K với mức lương trung bình của chị là 3.170.000 đồng, thể hiện chị có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo việc nuôi con; anh D không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh nghề nghiệp, thu nhập của mình và đều vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do. Hơn nữa, hiện nay cháu H dưới 36 tháng tuổi và đang do chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, ..."*. Do đó, cần giao cháu H cho chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở phù hợp với quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: chị ZơRâm Thị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị ZơRâm Thị C đối với anh Đặng Công D về việc *"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị ZơRâm Thị C và anh Đặng Công D.

2. Về con chung: giao cháu Đặng Công H, sinh ngày 29/8/2024 cho chị ZơRâm Thị C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị C không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng chị ZơRâm Thị C phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà chị C đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007093 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Kim Phượng

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đà Nẵng;
- UBND xã Quế Phước, thành phố Đà Nẵng;
(Giấy CNKH số 08 ngày 21/3/2024 của UBND xã Ninh Phước cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 6

YJC210526.TL.QDBA
928